

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HD
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06 /11/2018.

"V/v ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HD – TỈNH HẢI DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mai Hoa**.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Bích Thảo**

2. Bà **Ngô Thị Thời**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đặng Ngọc Anh** - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD tham gia phiên tòa:
ông **Nguyễn Văn Tường** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 429/2018/ST-HNGĐ ngày 21/7/2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/10/2018, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1966; Đăng ký hộ khẩu: 29 Phạm Hồng Thái, phường QT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương; Cư trú: Số nhà 14/104 Phạm Ngũ Lão, phường PNL, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Đỗ Văn B**, sinh năm 1961; Đăng ký hộ khẩu: 29 Phạm Hồng Thái, phường QT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương; Cư trú: Số nhà 11/15 Võ Thị Sáu, phường NT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt).

NỘI D VU ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Bà và ông Đỗ Văn B được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường QT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/9/1992. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sinh sống cùng với

bố mẹ ông B tại địa chỉ: số 29 Phạm Hồng Thái, phường QT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương, đến cuối năm 2001 chuyển về sinh sống tại số nhà 11/15 Võ Thị Sáu, phường NT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 21 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông B vì ghen tuông nên thường xuyên chửi bới, xúc phạm bà, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bản thân bà đã cố gắng cam chịu và tha thứ cho ông B để con có đủ cả bố lẫn mẹ, tuy nhiên ông B vẫn không thay đổi. Khoảng tháng 3/2013, do mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, bà đã đưa con bỏ đi, thuê nhà ra ngoài sinh sống. Kể từ khi đưa con bỏ đi đến nay bà và ông B không liên lạc gì với nhau, chỉ thi thoảng ông B có liên hệ với gia đình nhà ông B, tuy nhiên ông B không có số điện thoại cố định nên bà không thể liên lạc được với ông B. Nay ông B làm gì, ở đâu bà không quan tâm. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông B.

Về con chung: Vợ chồng bà có hai con chung là Đỗ Thùy D, sinh ngày 21/5/1993 và Đỗ Đình L, sinh ngày 12/6/1998. Hiện hai con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Vợ chồng bà không có tài sản chung, không có tài sản riêng, không nợ chung ai, không cho ai vay nợ chung, không có công sức đóng góp trong thời gian ở chung với gia đình nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn, ông Đỗ Văn B: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Đỗ Văn B đến làm việc để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H nhưng ông B đều không có mặt và không có quan điểm gửi Tòa án. Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương xuống nơi ông B sinh sống thông báo về nội D bà H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn ông B, nhưng ông B từ chối không làm việc với Tòa án và chính quyền địa phương. Tuy nhiên, ông B xác định ông và bà H đã ly thân từ lâu, bà H tự ý đưa con bỏ đi thì không còn liên quan gì đến ông và ông không liên quan gì đến vụ án ly hôn với bà H, bà H muốn làm gì thì làm, ông không liên quan và từ chối không nhận tài liệu do Tòa án giao. Tòa án đã cùng chính quyền địa phương tiến hành lập biên bản về nội D làm việc và việc ông B từ chối không nhận các văn bản tố tụng do Tòa án giao.

Chị Đỗ Thùy D là con gái bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn B có đơn gửi Tòa án nhân dân thành phố HD, trình bày về mâu thuẫn của bố mẹ. Chị D xác định bố chị (ông B) không có việc làm, nghiện rượu và luôn chửi ba mẹ con suốt nhiều năm. Từ tháng 3 năm 2013, ba mẹ con chị đã chuyển ra ngoài sinh sống và bố mẹ chị đã ly thân suốt 5 năm nay.

Tại phiên toà: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông B.

Ông Đỗ Văn B vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án đối với nguyên đơn bà H không có vi phạm, bị đơn ông B không chấp hành quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án, đây là quan hệ tranh chấp ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố HD theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án nhân dân thành phố HD đã cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Đỗ Văn B theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ông B vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX:

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Đỗ Văn B; Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức: Không xem xét; Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố HD giải quyết việc ly hôn giữa bà với ông Đỗ Văn B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố HD. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đỗ Văn B đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên toà nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông B là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn B được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường QT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/9/1992. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 21 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông B nghi ngờ bà H có quan hệ với người đàn ông khác nên dẫn đến vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không có hạnh phúc. Đến năm 2013, bà H đã cùng hai con bỏ ra ngoài thuê nhà trọ và hai vợ chồng ông bà sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông B biết về việc bà H có đơn đề nghị xin ly hôn ông, nhưng ông B xác định không còn liên quan đến bà H. Xét thấy bà H, ông B không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vợ chồng bà H, ông B đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên toà hôm nay ông B vắng mặt nên HĐXX xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Đỗ Văn B là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị H xác định vợ chồng có hai con chung là Đỗ Thùy D, sinh ngày 21/5/1993 và Đỗ Đình L, sinh ngày 12/6/1998. Hiện hai con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, về nợ, về công sức: Bà Nguyễn Thị H xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Án phí: Bà Nguyễn Thị H xin ly hôn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Đỗ Văn B có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lý do trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Đỗ Văn B.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2017/ 0002505 ngày 23 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Bà Nguyễn Thị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Đỗ Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Những ng- ời tham gia tố tụng;
- VKSND thành phố HD;
- UBND phường QT;
- Chi cục THADS Tp HD;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa